TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TÂY NINH** Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST Ngày 29- 4 -2025 V/v "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Đình Quế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hiệp;
2. Ông Lý Văn Tài.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Xuân Son – Thư ký Toà án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Ông Lâm Quốc Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2025/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1995. Địa chỉ: Số 21Đ/1 khu phố 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Hạnh P, sinh năm: 1987. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Chị H, anh P vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 25/12/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Hạnh P có tìm hiểu nhau khoảng nửa năm và chung sống với nhau từ năm 2014. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh vào ngày 25/8/2014 nhưng vợ chồng không có tổ chức lễ cưới.

Sau khi cưới vợ chồng chị về sống cùng nhà với mẹ chồng tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh cho đến năm 2018 thì vợ chồng cải nhau, chồng chị đuổi chị đi nên chị về nhà mẹ ruột tại khu phố 4, thị trấn Đức Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải nhau, không ai quan tâm đến ai, chồng chị không lo làm ăn để chăm lo cho gia đình, mâu thuẫn về tiền bạc và tình cảm nên chị đã không còn chung sống với anh P từ khoảng năm 2018 cho đến nay. Ngoài ra chồng chị còn sử dụng ma tuý và có cai nghiện tại xã Thanh Phước, còn hiện nay anh P đã cai nghiện chưa thì chị không rõ. Vợ chồng ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không có hàn gắn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thị HT, sinh ngày: 11/10/2014 và Huỳnh Thị HT1, sinh ngày: 27/4/2017. Từ ngày ly thân 02 cháu T và cháu HT1 sống cùng anh P. Khi ly hôn chị yêu cầu giao 02 con chung cho anh P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục do từ nhỏ 02 con chung đã sống chung với anh P. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Anh Huỳnh Hạnh P trình bày tại Biên bản ghi lời khai như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, về mâu thuẫn vợ chồng và thời gian ly thân. Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn do cả hai vợ chồng đi làm không có ra tiền nên cải vả nhau, chị H bỏ nhà đi vàn vợ chồng ly thân đến nay khoảng 05 đến 06 năm. Từ ngày ly thân vợ chồng không có liên lạc gì, không có hàn gắn mâu thuẫn và vợ chồng cũng không còn tình cảm. Hiện nay anh đã cai nghiện ma túy xong. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thị HT, sinh ngày: 11/10/2014 và Huỳnh Thị HT1, sinh ngày: 27/4/2017. Từ ngày ly thân 02 cháu T và cháu HT1 sống cùng anh và đi học tại Trường tiểu học T, xã T. Nếu vợ chồng tôi ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không có yêu cầu

chị H cấp dưỡng nuôi 02 con chung. chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh P có đơn xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; anh P đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P là đúng theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh P; Giao con chung tên Huỳnh Thị HT, sinh ngày: 11/10/2014 và Huỳnh Thị HT1, sinh ngày: 27/4/2017 cho anh P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh P không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí, chị H phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh P, anh P hiện có chỗ ở tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh nên TAND huyện G thụ lý giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền tại khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Trong quá trình giải quyết, Chị H và anh P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh P kết hôn trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, đã được UBND xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn

số 119 ngày 25/8/2014 đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về quá trình chung sống thì thấy rằng: Chị H và anh P chung sống tại nhà anh P từ năm 2004 và có đăng ký kết hôn năm 2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến nên ly thân từ khoảng năm 2018. Xét thấy thời gian ly thân của ông với chị H từ khoảng năm 2018 nhưng anh chị không gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn gia đình. Lời trình bày của các đương sự đều cho thấy hôn nhân của chị H và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều thống nhất ly hôn. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3] Về con chung:

Chị H và anh P có 02 con chung tên Huỳnh Thị HT, sinh ngày: 11/10/2014 và Huỳnh Thị HT1, sinh ngày: 27/4/2017. Từ ngày vợ chồng ly thân cháu T và cháu HT1 sống cùng anh P và hiện đang đi học tại Trường tiểu học Trâm Vàng thuộc xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Khi ly hôn anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, chị H đồng ý giao 02 con chung cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng. Quá trình làm việc, cháu T và cháu HT1 có nguyện vọng sống với anh P. Do đó để đảm bảo về nhu cầu vật chất, tinh thần và quyền lợi của con chung Hội đồng xét xử xét thầy cần giao cháu T và cháu HT1 cho anh P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận anh P không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không có yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Tòa án, nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Huỳnh Hạnh P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Huỳnh Hạnh P.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung tên Huỳnh Thị HT, sinh ngày: 11/10/2014 và Huỳnh Thị HT1, sinh ngày: 27/4/2017 cho anh P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh P không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh P không có yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: 0010415 ngày 07/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh. Án phí chị H đã thi hành xong. Anh Huỳnh Hạnh P không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Huỳnh Hạnh P có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NVKT.TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THA Gò Dầu;
- UBND xã Thanh Phước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đình Quế Anh